

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: *Răng hàm mặt*

TRÌNH ĐỘ: *Thạc sĩ*

MÃ NGÀNH: *8720501*

Cần Thơ, năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: ~~6067~~ /QĐ-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
đào tạo các chuyên ngành trình độ thạc sĩ**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 08 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Công văn số 3281/BGDĐT-GDĐH ngày 30/6/2015 hướng dẫn việc thẩm định chương trình đào tạo theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành: Nhi khoa (mã số 60720135); Răng Hàm Mặt (mã số 60720601); Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (mã số 60720410).

Điều 2. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp đối với các chuyên ngành nêu trên thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Lưu: VT, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga

Bùi Văn Ga

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	1
1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH	2
3. THÔNG TIN CHUNG	2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	5
7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	5
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	5
9. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC	6
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	7
12. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP	9
13. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG	9
B. MÔ TẢ HỌC PHẦN	10
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	15
D. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	20
E. PHỤ LỤC.....	23
PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG ...	23
PHỤ LỤC 2: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG.....	24
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHI TIẾT VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	25
PHỤ LỤC 4: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	26
PHỤ LỤC 5: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	28
PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN	43

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐHYDCT	: Đại học Y Dược Cần Thơ
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CĐR	: Chuẩn đầu ra
TLGD	: Triết lý giáo dục
SM	: Sứ mạng
RHM	: Răng hàm mặt
CĐ	: Chuyên đề

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHYDCT ngày tháng năm 2022
của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)*

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Luật Giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Nghị quyết số 372/NQ-HĐT-ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH¹

Chương trình đào tạo thạc sĩ Răng hàm mặt được xây dựng vào năm 2016, chương trình được cập nhật ít nhất hai năm một lần. Trưởng khoa quản lý chương trình phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành.

Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Răng hàm mặt là hết sức cần thiết và đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và đã được Hội đồng Trường quyết nghị thông qua.

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và đề án, trong đó: học phần chung 10 tín chỉ; học phần cơ sở 6 tín chỉ; học phần hỗ trợ 3 tín chỉ; học phần chuyên ngành 35 tín chỉ và đề án 6 tín chỉ.

Thời gian học tập trung 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá).

Khối lượng học tập: 60 tín chỉ.

Một tín chỉ lý thuyết = 15 tiết học trên lớp và 30 tiết tự học.

Một tín chỉ thực hành = 45 tiết.

Mỗi tiết giảng dạy trong 50 phút.

3. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình: Thạc sĩ Răng hàm mặt

Trình độ: Thạc sĩ

Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Răng hàm mặt

Mã ngành đào tạo: 8720501

Thời gian đào tạo: 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời

¹ - Khái quát về quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT

- Số lượng khóa tuyển sinh, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp

- Những nét mới, thay đổi trong những lần rà soát, sự thay đổi phù hợp như thế nào với đặc điểm người học

- Tổng số tín chỉ cần phải tích lũy để hoàn thành chương trình, khái quát về quá trình đào tạo

gian chuẩn toàn khoá)

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Số tín chỉ yêu cầu: 60

Khoa quản lý: Khoa Răng hàm mặt

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

Chứng nhận chất lượng: (không)

Website: <http://www.ctump.edu.vn>

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO ²

4.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ Răng Hàm Mặt có ý thức, kiến thức và nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp về y học và nha khoa, giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng. Thạc sĩ Răng Hàm Mặt còn phải có khả năng nghiên cứu khoa học, có năng lực sáng tạo trong nghiên cứu, tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ của đất nước.

Phát huy nguyên tắc đào tạo lấy người học làm trung tâm; xây dựng chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu, thạc sĩ định hướng ứng dụng để tạo điều kiện cho người học xác định năng lực, thể mạnh bản thân để thiết lập kế hoạch học tập chủ động và phù hợp với năng lực của người học.

4.2 Mục tiêu cụ thể

- **PO1.** Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng tổng quát và ngành Răng Hàm Mặt
- **PO2.** Có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp, kiến thức chẩn đoán, điều trị một số bệnh khó trong Răng hàm mặt
- **PO3.** Có kỹ năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Răng Hàm Mặt, thực hiện các đề án liên quan lĩnh vực Răng hàm mặt
- **PO4.** Có thái độ tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công

² Tham khảo yêu cầu về mục tiêu CTĐT tại Điều 4, Thông tư 17/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo cho các loại hình nhân lực Răng hàm mặt khác.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO³

PLO1. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội.

PLO2. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào các tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn và ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc văn bằng tương đương

PLO3. Thực hiện đề án liên quan Răng hàm mặt, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện và phát triển nghề nghiệp

PLO4. Vận dụng kiến thức chuyên ngành để tham gia giải quyết độc lập các vấn đề lâm sàng chuyên sâu về nhổ răng-tiểu phẫu, chữa răng-nội nha, phục hình, răng trẻ em-chỉnh hình, bệnh lý vùng miệng-nha chu.

PLO5. Chẩn đoán đúng các bệnh lý thường gặp và chẩn đoán định hướng các bệnh khó trong Răng hàm mặt

PLO6. Điều trị an toàn và hiệu quả các bệnh lý thường gặp trong Răng hàm mặt

PLO7. Tiên lượng và dự phòng đúng các bệnh lý phổ biến trong chăm sóc sức khỏe răng miệng cá nhân và cộng đồng

PLO8. Tổ chức và thực hiện các chương trình quản lý phòng khám chuyên khoa hoặc khoa lâm sàng Răng hàm mặt

³ Tham khảo yêu cầu về chuẩn đầu ra tại Điều 5, Thông tư 17/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Chương trình thạc sĩ:

TT	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ % trên tổng số tín chỉ của CTĐT
1	Phần kiến thức chung	10	16,7%
2	Phần kiến thức cơ sở	6	10%
3	Phần kiến thức hỗ trợ	3	5%
4	Phần kiến thức chuyên ngành	35	58,3%
5	Phần đề án	6	10%
Tổng cộng		60	100%

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Hàng năm trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khung chương trình đã ban hành

TT	Tên học phần	Tín chỉ		
		TC	LT	TH
Phần chung		10	9	1
1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ	4	4	0
3	PPNCKH	3	2	1
Phần cơ sở		6	3	3
1	Giải phẫu	3	1	2
2	Giải phẫu bệnh	3	2	1
Phần hỗ trợ		3	1	2
1	Tai mũi họng	3	1	2
Chuyên ngành		35	14	21
1	Nha khoa cơ sở-Nha khoa công cộng	5	2	3

2	Bệnh học miệng-Nha chu	5	2	3
3	Chữa răng-Nội nha	5	2	3
4	Phẫu thuật miệng	5	2	3
5	Phục hình răng	5	2	3
6	Răng trẻ em-Chỉnh hình	5	2	3
7	Phẫu thuật hàm mặt	5	2	3
Đề án		6	0	6
Tổng cộng		60	27	33

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Phương pháp dạy: Giảng lý thuyết

Phương pháp học: Học lý thuyết, tự học, học trực tuyến

9.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** phương pháp dạy học tích hợp thuyết trình, chuyên đề, seminar, bài tập tình huống, case study, vấn đáp, thảo luận nhóm, đóng vai, động não, nghiên cứu trường hợp, thực địa.

- **Thực hành lâm sàng tại cơ sở thực hành/cộng đồng:** hướng dẫn đầu giường, hướng dẫn bệnh phòng, bình bệnh án, giải quyết vấn đề, case study, thảo luận nhóm, giao ban tua trực, hướng dẫn ca bệnh thực tế qua ca trực.

9.2. Phương pháp học tập của người học

- **Lý thuyết:** chuẩn bị bài, nghe thuyết trình, tham gia trao đổi, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích các trường hợp lâm sàng, phân chia nhóm trao đổi, thảo luận, trình bày ý kiến thống nhất sau thảo luận.

- **Thực hành:** nghe thuyết trình, thăm khám bệnh nhân, trình ca bệnh đầu giường, tham gia trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, quan sát, nhận biết các hình ảnh lâm sàng và làm, trình bệnh án; nghiên cứu, phân tích trường hợp lâm sàng; tìm, tổng hợp thông tin, kiến thức theo chủ đề được phân công, hoàn thành quyển chuyên đề và báo cáo, trả lời câu hỏi.

9.3. Phương pháp hướng dẫn tự học

- **Phương pháp hướng dẫn tự học:** phân công chủ đề, hướng dẫn cách tìm và tổng hợp tài liệu tham khảo, cách trình bày chuyên đề, case lâm sàng.

- **Phương pháp tự học:** các nhóm học viên được phân các chủ đề theo nội dung học

tập đề thảo luận, tìm tài liệu liên quan đến chủ đề trên sách, báo, tạp chí tại thư viện, Internet và làm chuyên đề, case lâm sàng theo mẫu yêu cầu.

10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

10.1. Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

10.2. Phương pháp kiểm tra tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài báo cáo/bài thuyết trình	Rubric 1	50%
Kiểm tra	Bài kiểm tra	Rubric 2	50%

10.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	<i>Tham gia vào hoạt động học tập, tự học</i>	Rubric 1	10%
	Chuyên đề (tiểu luận)	<i>Bài tiểu luận</i>	Rubric 2	30%
Kết thúc học phần	Thi kết thúc	<i>Tự luận</i>	Rubric 3	60%

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm, với 6 học kỳ chính.

Học viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo qui chế đào tạo sau đại học theo quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/06/2000.

11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian và kế hoạch đào tạo

Trường tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần cho phép học viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường; Học viên trình độ sau đại học của Trường được đào tạo theo tín chỉ.

Thời gian thiết kế của chương trình đào tạo thạc sĩ Răng hàm mặt là 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá).

Học viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo theo thứ tự: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và đề án.

- Học phần chung: Triết học, Ngoại ngữ và Phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Học phần cơ sở: Giải phẫu, Giải phẫu bệnh.

- Học phần hỗ trợ: Tai mũi họng

- Học phần chuyên ngành: Nha khoa cơ sở-Nha khoa công cộng, Chữa răng-Nội nha, Bệnh học miệng-Nha chu, Phẫu thuật miệng, Phục hình, Răng trẻ em-Chỉnh hình, Phẫu thuật hàm mặt.

- Đề án.

11.3. Đánh giá học phần

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

Đối với các học phần thực hành: học viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Đánh giá tự học: học viên phải hoàn thành các hoạt động tự học do bộ môn tổ chức tùy theo đặc thù của từng học phần để đủ điều kiện dự thi kết thúc học

11.4. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

a) Cuối mỗi học phần, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi

chính hoặc có học phần bị điểm D⁺, D, F (dưới 1,5 theo thang điểm 4 hoặc dưới 5,00 theo thang điểm 10) ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

b) Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.)

11.5. Công cụ và tiêu chí kiểm tra/đánh giá

Rubric : Tham gia vào hoạt động tự học, hoạt động trên lớp

Rubric : Tham gia vào hoạt động học tập, tự học

Rubric : Tham gia chuyên đề, tiểu luận

Rubric : Chấm bài thi tự luận

Rubric : Chấm bài thi trắc nghiệm (theo thang điểm của trường)

Rubric : Bài tập nhóm

11.6. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những học viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và khối lượng của chương trình đào tạo bao gồm cả thi kết thúc khoá học.

12. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế.

- Khoa Răng hàm mặt các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh và tuyến huyện.

- Các viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo Răng hàm mặt.

- Các tổ chức công lập hoặc tư nhân về kinh doanh, cung cấp các thiết bị, máy móc và vật tư xét nghiệm, vật tư y tế liên quan Răng hàm mặt

13. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Bác sĩ Chuyên khoa II Răng Hàm Mặt

B. MÔ TẢ HỌC PHẦN

STT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả học phần
Phần kiến thức chung			
1	CB03011	Triết học	Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến đời sống của dân tộc Việt Nam, kiến thức nâng cao của Triết học Mác - Lênin và các chuyên đề thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ.
3	CB01011	Ngoại ngữ	Giới thiệu các chủ điểm liên quan đến y học cấp cứu, sản khoa, huyết học, da liễu, phẫu thuật, tim mạch, hô hấp, và thuốc. Trang bị cho người học từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập nhằm giúp người học sử dụng được ngoại ngữ trong học tập và nghiên cứu.
5	YT00031	PPNCKH	Học phần cung cấp các kiến thức về về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.
Phần kiến thức cơ sở			
1		Giải phẫu	Giới thiệu cho học viên nắm được cấu tạo cơ quan vùng đầu mặt cổ của cơ thể bình thường và thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và mối liên của xương, cơ, các cơ quan, mạch máu và thần kinh vùng đầu mặt cổ.

2		Giải phẫu bệnh	Cung cấp kiến thức về giải phẫu bệnh các tạng và hệ thống. Nhận xét, đánh giá tổn thương cơ bản, thường gặp ở các cơ quan: Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ cơ xương khớp, hệ thống bạch huyết, hệ nội tiết và đọc các tiêu bản vi thể, đối chiếu với các hình ảnh đại thể và chẩn đoán mô bệnh học được các bệnh thường gặp.
Phần kiến thức hỗ trợ			
1		Tai mũi họng	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học, chẩn đoán, xử trí các bệnh lý về Tai mũi họng thường gặp. Sử dụng được các xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán và thăm dò chức năng Tai mũi họng
Phần kiến thức chuyên ngành			
1		Nha khoa cơ sở- Nha khoa công cộng	Giới thiệu cho người học về kiến thức về quá trình hình thành răng – nha chu, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành này, lịch trình mọc răng, đặc điểm giải phẫu của bộ răng sữa và bộ răng vĩnh viễn, phân tích mối quan hệ giữa răng với các thành phần hệ thống nhai nói riêng và sức khỏe toàn thân nói chung.... Phần thực hành gồm khám các thành phần của hệ thống nhai và nhận diện ra các bất thường của cơ hàm, khớp thái dương hàm, khớp cắn.... dẫn đến tình trạng đau loạn năng hệ thống nhai. Rèn luyện kỹ

			năng cho học viên cách mài chỉnh khớp cắn, làm máng nhai trong điều trị bệnh lý liên quan đến hệ thống nhai. Giúp học viên lập kế hoạch phòng ngừa các bệnh răng miệng cho cộng đồng và thống kê được số liệu trong điều tra sức khỏe răng miệng.
2		Bệnh học miệng- Nha chu	Kiến thức về những: tổn thương chợt loét ở niêm mạc miệng, đau vùng hàm mặt, u nang vùng hàm mặt, bệnh lý toàn thân biểu hiện vùng miệng, bệnh do virus, vi nấm biểu hiện vùng miệng, thuốc trong điều trị trong răng hàm mặt, miễn dịch học trong bệnh nha chu, phân loại bệnh nha chu Laser trong điều trị bệnh nha chu, điều trị bệnh nha chu bằng phương pháp phẫu thuật và không phẫu thuật từ đó lập kế hoạch phòng ngừa, các biện pháp can thiệp sớm nhằm đạt kế hoạch điều trị hiệu quả.
3		Chữa răng-Nội nha	Kiến thức chuyên ngành về Răng hàm mặt. Học phần này cung cấp kiến thức nâng cao về bệnh học tuỷ răng và mô quanh chân răng, phương pháp điều trị cho từng loại sang thương bao gồm cả điều trị nội nha bảo tồn và phẫu thuật cũng như phục hồi sau nội nha. Dựa vào kiến thức đã học, học viên có khả năng điều trị phục hồi những răng có bệnh lý tuỷ cũng như bệnh lý vùng quanh chóp từ đơn giản đến phức tạp.

4		Phẫu thuật miệng	Đi sâu vào các kỹ thuật mổ cơ bản vùng răng miệng và ứng dụng các kỹ thuật này vào phẫu thuật trong một số trường hợp như răng mọc lệch, răng ngầm, phẫu thuật cắt chóp chân răng trong điều trị nang quanh chóp, phẫu thuật tiên phục hình và cấy ghép implant căn bản.
5		Phục hình	Cập nhật, bổ sung thêm những nội dung chưa được học trong chương trình đại học bao gồm các kỹ thuật lấy dấu lần hai trong phục hình toàn hàm, thiết lập khớp cắn trong phục hình tháo lắp toàn phần bằng phương pháp ghi đồ hình cung Gothic, những vấn đề lâu dài sau thời gian mang phục hình tháo lắp toàn hàm, các ứng dụng lâm sàng của vật liệu đệm hàm mềm, kỹ thuật mài sửa soạn cùi răng cho phục hình toàn sứ, tính chất, chỉ định của các xi măng gắn. Mô tả các thành phần của phục hình trên implant và các chỉ định làm phục hình toàn hàm trên implant.... Riêng phần thực hành sẽ thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng làm phục hình tháo lắp bán hàm, toàn hàm và phục hình cố định
6		Răng trẻ em- Chỉnh hình	Môn học cơ bản gồm các vấn đề về nha khoa trẻ em, những sai hình xương- răng gây mất hài hòa trên gương mặt mọi lứa tuổi. Giúp học viên củng cố các phương pháp chẩn đoán, điều trị, dự phòng sâu răng, cách giáo dục vệ sinh răng miệng

			cho trẻ, cũng như nâng cao khả năng tự học hỏi, nghiên cứu của học viên trên từng trường hợp lâm sàng cụ thể về cách điều trị phòng ngừa hay toàn diện trong chỉnh hình răng mặt.
7		Phẫu thuật hàm mặt	Nội dung gồm các đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng của các loại chấn thương hàm mặt, các u và nang lành tính và ác tính thường gặp vùng hàm mặt; khám, chẩn đoán và xử trí được các trường hợp chấn thương hàm mặt liên quan đến phần mềm, phần xương. Thực hiện việc sơ cấp cứu và chăm sóc người bệnh bị chấn thương hàm mặt; phẫu thuật nang và u lành tính, ác tính vùng hàm mặt. Giải thích cơ chế hình thành dị tật khe hở bẩm sinh vùng hàm mặt, các rối loạn hình thái, chức năng và tâm lý ở người bệnh bị dị tật khe hở bẩm sinh, vẽ và mô tả được các kỹ thuật cơ bản trong phẫu thuật tạo hình khe hở bẩm sinh môi – vòm miệng.

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu giảng dạy

STT	Học phần	Tài liệu
1	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), <i>Giáo trình triết học – Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ</i> , Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội
2	Ngoại ngữ	English in Medicine for postgraduates (Giáo trình do bộ môn biên soạn).
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phạm Văn Linh (2010), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe</i> , Nhà xuất bản Đại học Huế
4	Giải phẫu	Lê Văn Cường (2020), <i>Giải Phẫu học Sau đại học</i> , tập 1 và tập 2, NXB Y học TP.HCM.
5	Tai mũi họng	Giáo trình giảng dạy học phần Tai Mũi Họng cho các đối tượng CKI: Nhân khoa, Răng hàm mặt, Y học gia đình
6	Giải phẫu bệnh	Giáo trình giảng dạy sau đại học. Bộ môn Giải phẫu bệnh – Pháp Y, Trường đại học Y Dược Cần Thơ.
7	Nha khoa cơ sở- Nha công cộng	Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, <i>Giáo trình nha cơ sở - nha công cộng (2019)</i> , Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
8	Bệnh học hàm mặt- Nha chu	- Liên Bộ môn Bệnh học miệng- Nha chu (2019), <i>Giáo trình Bệnh học miệng- Nha Chu</i> , Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
9	Chữa răng-Nội nha	Bộ môn Chữa răng Nội nha, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần thơ. <i>Giáo trình chữa răng nội nha</i> .
10	Phẫu thuật miệng	Giáo trình Phẫu thuật miệng 2.
11	Phục hình	Bộ môn phục hình, Khoa RHM, Trường ĐHYD Cần Thơ, <i>Giáo trình phục hình răng hàm mặt 1</i>
12	Răng trẻ em-Chỉnh hình	Bộ môn Răng trẻ em- Chỉnh hình, Trường đại học Y Dược Cần Thơ (2019), <i>Giáo trình Sau đại học Răng trẻ em- Chỉnh hình</i> , Cần Thơ.
13	Phẫu thuật hàm mặt	Giáo trình Phẫu thuật hàm mặt - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2. Tài liệu hướng dẫn tự học

STT	Học phần	Tài liệu
1	Triết học	<p>1. Doãn Chính (2009), <i>Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc</i>, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.</p> <p>2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), <i>Triết học Mác-Lênin: giáo trình</i>, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.</p> <p>3. Vũ Văn Viên (2011), <i>Phân tích triết học: Bản chất của tri thức toán học</i>, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.</p>
2	Ngoại ngữ	<p>1. Chabner, D. E (2014), <i>The language of Medicine, 10th.ed</i>, W.B. Saunders Company.</p> <p>2. Judi, L. N & Kelsey P. L (2019), <i>A short course in Medical Terminology, 4th.ed</i>, Wolters Kluwer.</p> <p>3. Cohen, B. J & DePetris, A (2017) <i>Medical Terminology, an illustrated guide, 8th.ed.</i>, Wolters Kluwer.</p>
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>1. Lư Ngọc Hoạt (2015), <i>Nghiên cứu khoa học Y học</i>, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.</p> <p>2. Trường Đại Học Y Hà Nội (2018), <i>Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học</i>, tập 1 và tập 2, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.</p>
4	Giải phẫu	<p>1. Anne M.R. Agur (2009), <i>Grant's atlas of Anatomy</i>, Lippincott Williams & Wilkins.</p> <p>2. Drake, Richard S (2010), <i>Gray's anatomy for students</i>, Philadelphia, PA: Churchill Livingstone.</p> <p>3. Liebgott, Bernard (2001), <i>The anatomical basis of dentistry</i>, St. Louis: Mosby.</p> <p>4. Sobotta (2011), <i>Atlas of Human Anatomy, 15th</i>, Urban & Fischer.</p> <p>5. Frank H. Netter (2018), <i>Atlas of Human Anatomy, 7th</i>, Elsevier, Philadelphia.</p>
5	Tai mũi họng	1. Bailey Byron J. (2006), <i>Head & neck surgery -</i>

		<p><i>Otolaryngology - Vol 1</i>, Lippincott Williams & Wilkins.</p> <p>2. Bailey Byron J. (2006), <i>Head & neck surgery - Otolaryngology - Vol 2</i>, Lippincott Williams & Wilkins.</p> <p>3. Ferry, Barbara (2012), <i>The Amygdala - A Discrete Multitasking Manager</i>, InTe-chOpen.</p> <p>4. Philip Sapp, J. (2014), <i>Contemporary Oral and Maxillofacial Pathology</i>, Mosby.</p> <p>5. Thompson Lester D. R. (2013), <i>Head and Neck Pathology</i>, Elsevier</p>
6	Giải phẫu bệnh	<p>1. Bộ môn Giải phẫu bệnh đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh (2007), <i>Bệnh học đại cương và bệnh học tạng và hệ thống</i>, NXB Y học.</p> <p>2. Trần Phương Hạnh (2003): <i>Từ điển bệnh học</i>, NXB Y học.</p> <p>1. Christopher D.M. Fletcher (2007): <i>Diagnostic Histopathology of Tumor</i>. 3rd, Churchill Livingstone, Elsevier.</p> <p>2. Kumar V, <i>Pathologic Basis of Disease</i>, 8th. WB Saunder Company, 2007.</p>
7	Nha khoa cơ sở- Nha công cộng	<p>1. Trần Ngọc Quảng Phi (2018), <i>Cắn khớp lâm sàng và rối loạn hệ thống nhai tập 1</i>, NXB Y học</p> <p>2. Dawson (2007), <i>Functional Occlusion, From TMJ to Smile Design</i>, Mosby</p> <p>3. Okesson (2007), <i>Management of Temporomandibular Disorders and Occlusion</i>, Mosby</p>
8	Bệnh học hàm mặt- Nha chu	<p>1. Adel K. EI-Naggar, John K.C. Chan, Jennifer R. Grandis, Takashi Takata, Pieter J. Slootweg (2017), <i>WHO Classification of Head and Neck Tumours</i>, International Agency for Research on Cancer.</p> <p>2. Brad Neville, Douglas Damm, Carl Allen, Angela Chi (2016), <i>Oral and Maxillofacial Pathology</i>, 4th Edition, Elsevier.</p> <p>3. Bruch J. M., Treister N. S. (2017), <i>Clinical Oral</i></p>

		<p><i>Medicine and Pathology</i>, 2nd Edition, Human Press.</p> <p>4. Camile S. Farah, Ramesh Balasubramaniam, Michael John McCullough (2019), <i>Contemporary Oral Medicine A Comprehensive Approach to Clinical Practice</i>, Springer.</p>
9	Chữa răng-Nội nha	<p>1. Bùi Quế Dương (2007), <i>Nội nha lâm sàng</i>, xuất bản lần 2, NXB Y học.</p> <p>2. Farid Khan (2011), <i>Toothwear – The ABC of the Worn Dentition</i>, Wiley Blackwell.</p> <p>3. Josette Camilleri (2014), <i>Mineral Trioxide Aggregate in Dentistry – From Preparation to Application</i>, Springer.</p> <p>4. John S Rhodes (2006), <i>Advanced Endodontics Clinical Retreatment and Surgery 1stEd</i>, Taylor & Francis.</p>
10	Phẫu thuật miệng	<p>1. David A. McGowan (2013), <i>An Atlas of Minor Oral Surgery- Principles and Practice</i>, Second Edition, Martin Dunitz Ltd.</p> <p>2. Peterson L.J. (2008), <i>Contemporary and Maxillofacial Surgery</i>, 5th edition, Mosby.</p> <p>3. Christopher J. Haggerty, Robert M. Laughlin (2015), <i>Atlas of Operative Oral and Maxillofacial Surgery</i>, John Wiley & Sons, Inc.</p> <p>4. Crispian Scully (2016), <i>Churchill’s pocketbooks Clinical Dentistry</i>, fourth edition, John Wiley & Sons, Inc.</p> <p>5. James R. Hupp, Edward Ellis III (2014), <i>Contemporary Oral and Maxillofacial surgery - 6th edition</i>, Mosby, China.</p>
11	Phục hình	<p>1. Alan B. Carr, David T. Brown (2011) <i>McCracken’s Removable Partial Prosthodontics</i>, Twelfth edition, Elsevier Mosby.</p> <p>2. Rodney D. Phoenix, David R. Cagna, Charles F. DeFrest (2008), <i>Stewart’ Clinical Removable Partial Prosthodontics</i>, Fourth Edition, Quintessence Publishing.</p> <p>3. V.Rangarajan and T.V.Padmanabhan (2017),</p>

		<p>Textbook of Prosthodontics, Second Edition, Mosby, an imprint of Elsevier Inc.</p> <p>4. Herbert T. Shillingburg (2012), <i>Fundamentals of Fixed Prosthodontics</i>, Fourth Edition, Quintessence Publishing Co.</p> <p>5. Stephen F. Rosenstiel, Martin F. Land, Funhei Fuji moto (2016), <i>Contemporary fixed prosthodontics</i>, fifth edition, Elsevier.</p>
12	Răng trẻ em-Chính hình	<p>1. Trần Thúy Nga và Cộng sự (2010), <i>Nha khoa trẻ em</i>, Nhà Xuất bản y học.</p> <p>2. Võ Trương Như Ngọc và Cộng sự (2013), <i>Răng trẻ em</i>, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.</p> <p>3. Phan Ái Hùng và cộng sự (2011), <i>Sổ tay lâm sàng Răng trẻ em</i>, Nhà Xuất bản y học.</p> <p>4. Joel H. Berg and Rebecca L. Slayton (2e 2016), <i>Early Childhood Oral Health</i>, John Wiley & Sons.</p>
13	Phẫu thuật hàm mặt	<p>1. Brad W. Neville, Douglas D. Damm, Carl M. Allen, Angela C. Chi (2016), <i>Oral and Maxillofacial Pathology</i>, fourth edition, John Wiley & Sons, Inc.</p> <p>2. Christopher J. Haggerty, Robert M. Laughlin (2015), <i>Atlas of Operative Oral and Maxillofacial Surgery</i>, John Wiley & Sons, Inc.</p> <p>3. Pushkar Mehra, Richard D’Innocenzo (2016), <i>Manual of Minor Oral Surgery for the General Dentist</i>, second edition, John Wiley & Sons, Inc.</p> <p>4. Stanley f. Malamed, Daniel L. Orr II (2015), <i>Medical Emergencies in the Dental Office</i>, seventh edition, Mosby, an imprint of Elsevier Inc.</p> <p>5. Thomas von Arx Scott Lozanoff (2017), <i>Clinical Oral Anatomy, A Comprehensive Review for Dental Practitioners and Researcher</i>, Springer.</p>

D. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đinh Văn Phương	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
2	Trần Thị Hồng Lê			X				
3	Lương Thị Hoài Thanh			X				
4	Lê Chí Nhân			X				
5	Nguyễn Thanh Trạng			X				
6	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Ngoại ngữ CN1	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
7	Lâm Thị Thủy Tiên			X				

8	Âu Xuân Sâm			X				
9	Nguyễn Thanh Hùng			X				
10	Lê Hà Lan Phương			X				
11	Nguyễn Trung Kiên	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
12	Lê Minh Hữu			X				
13	Võ Huỳnh Trang	Giải phẫu	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
14	Nguyễn Hoài Phong	Giải phẫu bệnh	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				
15	Nguyễn Triều Việt	Tai mũi họng	Học kỳ 1, năm thứ 1			X		
16	Châu Chiêu Hòa					X		
17	Trần Thị Phương Đan	Nha khoa cơ sở-Nha khoa công cộng	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
18	Nguyễn Hiếu Tùng			X				
20	Đỗ Thị Thảo	Bệnh học miệng-Nha chu	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
21	Vũ Việt Cường			X				
23	Trương Nhựt Khuê	Phẫu thuật	Học kỳ 2, năm	X				

24	Trần Thị Phương Đan	miệng	thứ 1	X				
26	Lê Nguyên Lâm	Chữa răng nội nha	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
27	Đỗ Thị Thảo			X				
28	Trương Nhật Khuê	Phục hình răng	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
32	Lê Nguyên Lâm	Răng trẻ em – Chỉnh hình	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
33	Đỗ Thị Thảo			X				
35	Trương Nhật Khuê	Phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
36	Lâm Hoài Phương			X				
37	Trần Thị Phương Đan			X				

E. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG⁴

Bảng . Ma trận tương thích giữa POs và triết lý giáo dục, sứ mạng của trường

TLGD, SM	POs	PO1	PO2	PO3	PO4
Trí tuệ		M	M	M	M
Y đức		R	R	R	M
Sáng tạo		M	M	M	M
Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao		M	M	M	M
Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ		M	M	M	M
Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân		M	M	M	M

⁴- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;

- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.

PHỤ LỤC 2: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG⁵

Bảng . Ma trận tương thích giữa PLOs và triết lý giáo dục, sứ mạng của trường

PLOs	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
TLGD, SM								
Trí tuệ	R	M	M	M	M	M	M	M
Y đức	M	I	R	M	M	M	M	M
Sáng tạo	I	M	M	R	R	R	M	M
Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao	I	M	M	M	M	M	M	M
Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ	I	M	R	R	R	R	R	R
Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	I	R	R	M	M	M	M	M

⁵- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;

- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHI TIẾT VÀ CHUẨN ĐẦU RA⁶

Bảng . Ma trận tương thích giữa POs và PLOs

PLOs POs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PO1	I	R	R	M	M	M	M	M
PO2	I	R	R	M	M	M	R	R
PO3	R	R	M	R	R	R	M	M
PO4	I	M	M	M	M	M	M	M

⁶ *Diễn giải các mức đánh giá

- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;
- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.

PHỤ LỤC 4: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO⁷

Bảng . Ma trận tương thích học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phần		Số tín chỉ	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	19	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	R,A
1.1	Kiến thức chung	10	M,A	M,A	M,A	M	M	M	M	M	R
1.1.1	Triết học	3	M,A	I	R,A	-	-	-	-	-	I
1.1.2	Ngoại ngữ	4	I,A	M,A	R	-	-	-	-	-	-
1.1.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	M	M	M,A	M	M	M	M	M	R
1.2	Kiến thức cơ sở, hỗ trợ	9	M	R	R,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	R,A
1.2.1	Giải phẫu	3	M	R	I	M	M	M	M	I	I
1.2.2	Tai mũi họng	3	R	R	R,A	R,A	M,A	M,A	M,A	M,A	R,A
1.2.3	Giải phẫu bệnh	3	I	R	I	M,A	M,A	I	I	I	I
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	35	M	R,A	R	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	I
2.1	Kiến thức chuyên ngành	35	M	R,A	R	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	I
2.1.1	Nha cơ sở-Nha công cộng	5	M	M	R	M,A	M	M,A	R	R	R
2.1.2	Bệnh học hàm mặt-Nha chu	5	I	R,A	R	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	I

⁷ *Diễn giải các mức đánh giá

- Mức I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- Mức R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;
- Mức M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO.
- Mức A (Assessed): Học phần cốt lõi (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

KIẾN THỨC HỖ TRỢ														
1	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2	1	Tai mũi họng	3	1	2	1	Chẩn đoán hình ảnh	3	1	2
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH														
1	Tim mạch	5	2	3	1	Nha khoa cơ sở-Nha khoa công cộng	5	2	3	1	Tim mạch – Tâm thần	5	2	3
2	Da liễu cơ bản	5	2	3	2	Bệnh học miệng-Nha chu	5	2	3	2	Hồi sức – Cấp cứu	5	2	3
3	Bệnh da nhiễm trùng	5	2	3	3	Chữa răng nội nha	5	2	3	3	Nhiễm – Thần kinh	5	2	3
4	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	5	2	3	4	Phẫu thuật miệng	5	2	3	4	Tiêu hóa – Dinh dưỡng	5	2	3
5	Bệnh da miễn dịch dị ứng	5	2	3	5	Phục hình	5	2	3	5	Hô hấp – Nhi khoa xã hội	5	2	3
6	Bệnh da rối loạn sắc tố, biến dưỡng	5	2	3	6	Răng trẻ em-Chỉnh hình	5	2	3	6	Thận – Huyết học	5	2	3

	tăng trưởng													
7	Da thẩm mỹ	5	2	3	7	Phẫu thuật hàm mặt	5	2	3	7	Sơ sinh – Nội tiết	5	2	3
8	Tự chọn	3	3	0						8	Tự chọn	3	0	3
	Nội khớp										Hồi sức cấp cứu nâng cao			
	Bệnh phong										Tiếp cận một số TC-HC thường gặp trẻ em			
											Hô hấp nâng cao			
											Ngoại Nhi			
9	HP cuối khóa	9	2	7	9	HP cuối khóa	9	2	7	9	HP cuối khóa	9	2	7
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP														
1	Đề án	6	0	6	1	Đề án	6	0	6	1	Đề án	6	0	6
	TỔNG CỘNG	75	35	40		TỔNG CỘNG	69	30	39		TỔNG CỘNG	72	30	42

5.2. Các chương trình đang đào tạo ngành Răng hàm mặt trong/ngoài nước⁸

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ỨNG DỤNG NGÀNH RĂNG HÀM MẶT

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ							Trường Đại học Y Dược TP.HCM						
Tên học phần	Định hướng nghiên cứu			Định hướng ứng dụng			Tên học phần	Định hướng nghiên cứu			Định hướng ứng dụng		
	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ		Tổng số TC	Phân bố TC			Tổng số TC	Phân bố TC		Tổng số TC	Phân bố TC	
		LT	TH		LT	TH			LT	TH		LT	TH
Triết học	3	3	0	3	3	0	Triết học	3	3	0	3	3	0
Ngoại ngữ chuyên ngành	4	4	0	4	4	0	Ngoại ngữ	2	2	0	2	2	0
Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	3	2	1							
Giải phẫu	3	1	2	3	1	2	Sinh học phân tử	2	2	0	2	2	0
Giải phẫu bệnh	3	2	1	3	2	1	Y đức – Xã hội học	2	2	0	2	2	0
Tai mũi họng				3	1	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	2	1	1
							Thống kê y học	2	1	1	2	1	1

⁸ Khoa thực hiện đối sánh CTĐT với CTĐT cùng ngành với các trường khác trong nước hoặc nước ngoài. Biểu mẫu chỉ mang tính chất tham khảo, ban biên tập có thể chỉnh lại để phù hợp với nội dung đối sánh

Nha cơ sở-Nha công cộng	5	2	3	5	2	3	Nghiên cứu khoa học Răng hàm mặt 1	3	3	0	3	3	0
Bệnh học miệng-Nha chu	5	2	3	5	2	3	Sinh học miệng hàm mặt	5	3	2	5	3	2
Chữa răng-Nội nha	5	2	3	5	2	3	Nghiên cứu khoa học Răng hàm mặt 2				2	0	2
Phẫu thuật miệng	5	2	3	5	2	3							
Phục hình	-	-	-	5	2	3							
Răng trẻ em-Chỉnh hình	-	-	-	5	2	3							
Phẫu thuật hàm mặt	-	-	-	5	2	3							
							(Chọn 5 học phần: NCKH, CDHA, NKCS và 2 học phần môn chính)	(Chọn 8 học phần: CDHA RHM, NKCS, NKTQ, 2hp môn chính và 3 hp KHCS)					
							Nghiên cứu khoa học răng hàm mặt 2	2	0	2	-	-	-

							Chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt	2	1	1	2	1	1
							Nha khoa cơ sở	3	2	1	3	2	1
							Nha khoa tổng quát	-	-	-	3	1	2
							Răng hàm mặt cơ sở	8	3	5	8	3	5
							Khoa học hình ảnh răng hàm mặt 1	3	3	0	3	3	0
							Khoa học hình ảnh răng hàm mặt 2	5	0	5	5	0	5
							Bệnh học miệng và hàm mặt 1	3	3	0	3	3	0
							Bệnh học miệng và hàm mặt 2	5	0	5	5	0	5
							Phẫu thuật miệng 1	3	3	0	3	3	0
							Phẫu thuật miệng 2	5	0	5	5	0	5

							Nha khoa công cộng 1	3	3	0	3	3	0
							Nha khoa công cộng 2	5	0	5	5	0	5
							Chỉnh hình răng mặt 1	3	3	0	3	3	0
							Chỉnh hình răng mặt 2	5	0	5	5	0	5
							Nha khoa trẻ em 1	3	3	0	3	3	0
							Nha khoa trẻ em 2	5	0	5	5	0	5
							Phục hình răng hàm mặt 1	3	3	0	3	3	0
							Phục hình răng hàm mặt 2	5	0	5	5	0	5
							Nha chu 1	3	3	0	3	3	0
							Nha chu 2	5	0	5	5	0	5
							Chữa răng nội nha 1	3	3	0	3	3	0
							Chữa răng nội nha 2	5	0	5	5	0	5
							Cấy ghép nha khoa và phục	3	3	0	3	3	0

							hình trên cây ghép 1							
							Cây ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 2	5	0	5	5	0	5	
							Nha khoa tổng quát nâng cao 1	3	3	0	3	3	0	
							Nha khoa tổng quát nâng cao 2	5	0	5	5	0	5	
							Khoa học cơ sở Chẩn đoán hình ảnh				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Bệnh học miệng				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Phẫu thuật miệng				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Phẫu thuật hàm mặt				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Chỉnh				3	1	2	

							hình răng mặt							
							Khoa học cơ sở Nha khoa công cộng				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Nha khoa trẻ em				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Phục hình răng hàm mặt				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Nha chu				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Chữa răng nội nha				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Cấy ghép nha khoa				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Cấn khớp				3	1	2	
							Khoa học cơ sở Nha khoa tổng quát				3	1	2	
							<i>(Chọn 1 chuyên đề chính và 3 chuyên đề khoa học cơ sở)</i>							

Laser trong nha khoa	4	2	2	-	-	-	CĐ răng hàm mặt cơ sở	3	3	0	-	-	-
Lão nha	4	2	2	-	-	-	CĐ Khoa học hình ảnh RHM	3	3	0	-	-	-
Nha khoa kỹ thuật số	4	2	2				CĐ Bệnh học miệng và hàm mặt	3	3	0	-	-	-
							CĐ Phẫu thuật miệng	3	3	0	-	-	-
							CĐ Phẫu thuật hàm mặt	3	3	0	-	-	-
							CĐ Nha khoa công cộng	3	3	0			
							CĐ Chính hình răng mặt	3	3	0			
							CĐ Nha khoa trẻ em	3	3	0			
							CĐ Phục hình răng hàm mặt	3	3	0			
							CĐ Nha chu	3	3	0			
							CĐ Chữa răng nội nha	3	3	0			

							CD Cây ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép	3	3	0			
							CD Nha khoa tổng quát	3	3	0			
							CD Khoa học cơ sở Chẩn đoán hình ảnh Răng hàm mặt	3	3	0			
							CD Khoa học cơ sở Bệnh học miệng	3	3	0			
							CD Khoa học cơ sở Phẫu thuật miệng	3	3	0			
							CD Khoa học cơ sở Phẫu thuật hàm mặt	3	3	0			
							CD Khoa học cơ sở Chinh hình răng mặt	3	3	0			
							CD Khoa học cơ sở Nha	3	3	0			

							khoa công cộng							
							CĐ Khoa học cơ sở Nha khoa trẻ em	3	3	0				
							CĐ Khoa học cơ sở Phục hình răng hàm mặt	3	3	0				
							CĐ Khoa học cơ sở Nha chu	3	3	0				
							CĐ Khoa học cơ sở Chữa răng nội nha	3	3	0				
							CĐ Khoa học cơ sở Cấy ghép nha khoa	3	3	0				
							CĐ Khoa học cơ sở Cấn khớp	3	3	0				
							CĐ Khoa học cơ sở Nha khoa tổng quát	3	3	0				

							Kỹ năng Cấn khớp 1-2-3	-	-	-	2	0	2
							Kỹ năng Chân đoán hình ảnh RHM 1-2-3	-	-	-	2	0	2
							Kỹ năng Bệnh học miệng và hàm mặt 1-2-3	-	-	-	2	0	2
							Kỹ năng Phẫu thuật miệng 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Phẫu thuật hàm mặt 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Nha khoa công cộng 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Chỉnh hình răng mặt 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Nha khoa trẻ em				2	0	2

							1-2-3						
							Kỹ năng Phục hình răng mặt 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Nha chu 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Chữa răng nội nha 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Cây ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 1-2-3				2	0	2
							Kỹ năng Nha khoa tổng quát ứng dụng 1-2-3				2	0	2
Luận văn tốt nghiệp	12	0	12	-	-	-	Luận văn tốt nghiệp	12	0	12	-	-	-
Đề án tốt nghiệp	-	-	-	6	0	6	Đề án tốt nghiệp	-	-	-	6	0	6
TỔNG CỘNG	60			60				60(Cộng cột dọc là 214)			60(Cộng cột dọc là 198)		

PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN⁹

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 31 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA DOANH NGHIỆP VÀ KẾ
HOẠCH CẢI TIẾN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT**

Năm học 2021-2022

Tên chương trình đào tạo (CTĐT): Thạc sĩ Răng Hàm Mặt

Trình độ đào tạo (*cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*): thạc sĩ

Tổng số tín chỉ: 60

Khoa: Khoa Răng Hàm Mặt

Trường/đơn vị: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Website (*địa chỉ website có CTĐT*): ctump@ctump.edu.vn

Tên tổ chức/cá nhân phê duyệt CTĐT: Hội đồng khoa học Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Phần I. Tổng hợp thông tin khảo sát

1. Đánh giá học viên tốt nghiệp của các nhà sử dụng lao động

NỘI DUNG NHẬN XÉT <i>1. Rất yếu; 2. Yếu; 3. Trung bình; 4. Khá; 5. Tốt</i>		Tần số					Điểm TB
		1	2	3	4	5	
I. Về kiến thức, kỹ năng							
1.	Kiến thức chuyên ngành	0	0	1	0	5	4,7
2.	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	0	0	2	2	2	4,0
3.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	0	0	1	2	3	4,3
4.	Kỹ năng thực hành, sử dụng trang thiết bị hiện đại	0	0	1	2	3	4,3
5.	Kỹ năng xác định mục tiêu công việc	0	1	0	1	4	4,3

⁹ - Chương trình dự thảo cần có ý kiến phản hồi của giảng viên, cán bộ phục vụ giảng dạy, của người học, của các khoa/trung tâm liên quan tham gia giảng dạy vào CTĐT.

- Chương trình sau khi hoàn thiện cần có ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực hành, đối tượng cựu sinh viên.

- Nên tập hợp theo các hình thức: bảng tổng hợp (từ khảo sát trực tuyến hoặc trực tiếp), biên bản họp, hội nghị.

6.	Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối	1	0	1	0	4	4,0
7.	Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo	0	1	0	0	5	4,5
8.	Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo	0	1	0	1	4	4,3
9.	Kỹ năng làm việc nhóm	0	1	0	1	4	4,3
10.	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	0	0	2	1	3	4,2
11.	Kỹ năng lãnh đạo	0	1	1	1	3	4,0
12.	Kỹ năng viết báo cáo	0	0	2	1	3	4,2
13.	Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin	0	1	0	1	4	4,3
II. Về thái độ							
14.	Hăng say, nhiệt tình đối với công việc	0	0	1	1	4	4,5
15.	Năng động, sáng tạo trong công việc	0	1	0	1	4	4,3
16.	Có tinh thần học hỏi, khắc phục mọi khó khăn để vươn lên	0	0	1	1	4	4,5
17.	Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp	0	0	1	1	4	4,5

2. Đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Nội dung	Số lượng NTD lao động đánh giá	Tỉ lệ % nhà tuyển dụng lao động đánh giá “Đạt”	Tỉ lệ % nhà tuyển dụng lao động đánh giá “Chưa đạt”
CĐR số 1	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội.	6	83%	17%
CĐR số 2	Sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin vào các tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn.	6	83%	17%
CĐR số 3	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện và phát triển nghề nghiệp.	6	83%	17%
CĐR số 4	Vận dụng kiến thức để tham gia giải quyết các vấn đề một cách độc lập	6	83%	17%
CĐR số 5	Nhận biết năng lực, giới hạn lâm sàng và thực hiện hội chẩn thích hợp và kịp thời	6	100%	
CĐR số 6	Thực hiện việc điều trị bệnh nhân một	6	83%	17%

	cách an toàn và hiệu quả			
CĐR số 7	Tiên lượng và dự phòng các bệnh lý phổ biến trong chăm sóc sức khỏe răng miệng cá nhân và cộng đồng	6	83%	17%
CĐR số 8	Tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình quản lý phòng khám chuyên khoa hoặc khoa lâm sàng Răng Hàm Mặt	6	83%	17%

2.1. Mức độ cần đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung đối với cựu học viên tuyển dụng mới thuộc CTĐT.

	Không cần đào tạo	Ít hơn 03 tháng	Từ 03 đến 06 tháng	Trên 06 tháng
Tỷ lệ %	33%	0%	50%	17%

2.2. Đánh giá về CTĐT hiện hành

Câu hỏi	Kết quả								
<p>1. Mức độ phù hợp của mục tiêu, chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo so với yêu cầu yêu cầu tuyển dụng của đơn vị.</p> <p>2. Nội dung các môn học trong chương trình đào tạo có phù hợp với yêu cầu tuyển dụng của đơn vị không</p> <p>3. Tỷ lệ về lý thuyết, thực hành trong chương trình đào tạo có phù hợp không?</p> <p>4. Tỷ lệ về kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo có phù hợp không?</p> <p>5. Cách thức thực hiện đồ án tốt nghiệp của sinh viên có phù hợp không?</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Không phù hợp</th> <th>Ít phù hợp</th> <th>Phù hợp</th> <th>Rất phù hợp</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>0%</td> <td>17%</td> <td>50%</td> <td>33%</td> </tr> </tbody> </table>	Không phù hợp	Ít phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp	0%	17%	50%	33%
Không phù hợp	Ít phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp						
0%	17%	50%	33%						

3. Các xét nhận từ Doanh nghiệp

Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Điểm mạnh	Không
	Điểm yếu	Không
Bệnh viện Đa khoa TP Cần Thơ	Điểm mạnh	Hợp tác quốc tế nhiều
	Điểm yếu	Số lượng đào tạo nhiều hơn so với nhân lực
Nha khoa Ninh Kiều	Điểm mạnh	Số lượng đào tạo nhiều
	Điểm yếu	Chất lượng bác sĩ sau đại học không cao, số bác sĩ có thể giao tiếp ngoại ngữ ít, chuyên môn đều cần đào tạo lại, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp kém
Nha khoa thẩm mỹ Châu Á	Điểm mạnh	Chuyên môn
	Điểm yếu	Không
Bệnh viện Đa khoa trung ương TP Cần Thơ	Điểm mạnh	Không
	Điểm yếu	Không
Nha khoa Hà Thành	Điểm mạnh	Chuyên môn vững, kỹ năng mềm và ngoại ngữ tốt
	Điểm yếu	không

Phần II. Cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo

Đề xuất các hoạt động đổi mới, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo sẽ thực hiện trong năm học đến và cho tương lai nói chung

Liệt kê tất cả các hoạt động liên quan đến việc nâng cao chất lượng CTĐT sẽ thực hiện trong năm học tới, xuất phát từ các dữ liệu thu thập đã nêu trên (mục 2, 3) hoặc từ các kết quả phản hồi khác của sinh viên, giảng viên,... về CTĐT và hoạt động ĐT (những thay đổi về nội dung, thời lượng học phần hoặc nội dung chuyên môn, các học phần mới đưa vào, các học phần bỏ đi...); lưu ý xác định rõ những vấn đề cần đo lường và đánh giá (nếu có) đối với những đổi mới này.

Triển khai cập nhật, điều chỉnh CTĐT:

- Cập nhật nội dung đào tạo tiếp cận những phát triển về khoa học công nghệ trong lĩnh vực đào tạo
- Tăng cường nội dung thực hành, thí nghiệm, thực tập
- Tăng cường sử dụng ngoại ngữ trong quá trình học tập

- Bổ sung các học phần tự chọn tự do để đáp ứng nhu cầu của người học
- Tăng cường các kiến thức, kỹ năng về quản lý, quản trị, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

TRƯỜNG KHOA RHM

(ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT

ST T	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Tên cá nhân được KS	Chức vụ/lĩnh vực phụ trách	Số ĐT	Email
1	Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	60 Ung Văn Khiêm, P Mỹ Phước, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	Trần Thị Thủy Tiên	Trưởng khoa RHM	093990044 4	bs.thuytienag@gmail.com
2	Bệnh viện Đa khoa TP Cần Thơ	4 Châu Văn Liêm- Tân An- Ninh Kiều- Cần Thơ	Tô Tuấn Dân	Trưởng Khoa Răng Hàm Mặt	091840455 9	totuandan2018@gmail.com
3	Nha khoa Ninh Kiều	200 Nguyễn Văn Cừ, An Hòa, Ninh Kiều, Cần Thơ	Nguyễn Thụy Bảo Trân	Phụ trách phòng khám	098329498 9	baongocchimse@gmail.com
4	Nha khoa thẩm mỹ Châu Á	116 Lý Thường Kiệt, P.7,Q.10, TP.HCN	Bùi Cúc	Giám đốc	098166611 1	drbuicuc@gmail.com
5	Bệnh viện Đa khoa trung ương TP Cần Thơ	120 Lý Tự Trọng	Trần Minh Triết	Phó trưởng khoa Răng Hàm Mặt	091384151 5	dr.tmtriet@gmail.com

6	Nha khoa Hà Thành	122 Trần Hung Đạo, An Nghị, Phường, Ninh Kiều, Cần Thơ	Thái Huy Thành	Giám đốc	097777509 9	<u>fujibichan@gmail.com</u>
---	----------------------------	--	----------------------	----------	----------------	---